Chi tiết mã HS 8805.29.90

Mã HS	8805.29.90
Mô tả hàng hóa	Thiết bị phóng dùng cho phương tiện bay; dàn hãm tốc độ dùng cho tàu sân bay hoặc thiết bị tương tự; thiết bị huấn luyện bay mặt đất; các bộ phận của các thiết bị trên / - Thiết bị huấn luyện bay mặt đất và các bộ phận của chúng: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 10:49:55
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/88052990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17767
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17767
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17767
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17085
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17014
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17014
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17014
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17014
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17014
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17014
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17070
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17070
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17070

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17070
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17070
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17070
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17071
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17071
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17071
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17071
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17071
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17071
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17076
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17032
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17028
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17028
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17028
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17028
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17028
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17028
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17074
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17074
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17074
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17074
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17074
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17074
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17136
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17136
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17136

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17136
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17136
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17136
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D17112
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E17112
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F17112
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G17112
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H17112
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I17112
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17107
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17107
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17107
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17107
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17107
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17107
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17137
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17137
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17137
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17137
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17137
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17137
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17136
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17136
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17136
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17136
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17136

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17136
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17230
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17230
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17230
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17230
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17230
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17230
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17230
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17099
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17099
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17099
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17099
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17099
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17099
RCEP B	2022	2022	0	B!D17099
RCEP B	2023	2023	0	B!E17099
RCEP B	2024	2024	0	B!F17099
RCEP B	2025	2025	0	B!G17099
RCEP B	2026	2026	0	B!H17099
RCEP B	2027	2027	0	B!I17099
RCEP C	2022	2022	0	C!D17097
RCEP C	2023	2023	0	C!E17097
RCEP C	2024	2024	0	C!F17097
RCEP C	2025	2025	0	C!G17097
RCEP C	2026	2026	0	C!H17097
RCEP C	2027	2027	0	C!I17097

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D17096
RCEP D	2023	2023	0	D!E17096
RCEP D	2024	2024	0	D!F17096
RCEP D	2025	2025	0	D!G17096
RCEP D	2026	2026	0	D!H17096
RCEP D	2027	2027	0	D!I17096
RCEP E	2022	2022	0	E!D17100
RCEP E	2023	2023	0	E!E17100
RCEP E	2024	2024	0	E!F17100
RCEP E	2025	2025	0	E!G17100
RCEP E	2026	2026	0	E!H17100
RCEP E	2027	2027	0	E!I17100
RCEP F	2022	2022	0	F!D17099
RCEP F	2023	2023	0	F!E17099
RCEP F	2024	2024	0	F!F17099
RCEP F	2025	2025	0	F!G17099
RCEP F	2026	2026	0	F!H17099
RCEP F	2027	2027	0	F!I17099
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16037
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16037
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16037
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16037

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8805.29 có 2 dòng thuế; dòng 8805.29.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8805.29.10 Thiết bị huấn luyện bay mặt đất	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8805.29.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8805.29.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17767), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.